

Bản án số: 26/2018/HSST

Ngày 26/4/2018

NHÂN DANH

N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ỦI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thiện

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Xuân Tính ; bà Nguyễn Thị Vân.

- Th- ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:

Bà Trương Thị Lan - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện □H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ỦI tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Thuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện huyện □H, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2018/TLST-HS ngày 06 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2018/QĐXXST-HS ngày 13/4/2018 đối với các bị cáo;

1/ Trần Văn H - sinh năm 1996

Nơi cư trú: Thôn QT, xã TL, huyện KB, tỉnh Hà Nam. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 6/12. Con ông: Trần Văn D, Con bà: Vũ Thị D. Anh chị em ruột có 02 người, bị cáo là thứ nhất. Vợ, con: chưa có. Theo danh chỉ bản số 16, lập ngày 23/01/2018 tại Công an huyện □H và bản trích lục tiền án, tiền sự số 1388247/PC53, ngày 14/3/2018 của Phòng hồ sơ nghiệp vụ cảnh sát Công an Thành phố Hà Nội thì bị cáo Trần Văn H có 02 tiền án: Ngày 28/11/2014 bị Tòa án nhân dân huyện DT, Hà Nam xử phạt 12 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”; chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/10/2015; Ngày 04/5/2016 bị Tòa án nhân dân huyện KB, Hà Nam xử phạt 21 tháng tù về tội “*trộm cắp tài sản*”; chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/9/2017; tiền sự: Không.

Bị cáo Trần Văn H đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện ỦI, sau chuyển Trại giam số 2 Công an Thành phố Hà Nội từ ngày 23/01/2018 đến nay (*Có mặt tại phiên Tòa*).

2/ Nguyễn Xuân T - sinh năm 1991

Nơi cư trú: Thôn TY, xã YN, huyện DT, tỉnh Hà Nam. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12. Con ông: Nguyễn Văn T (đã chết), Con bà: Vũ Thị B. Anh chị em ruột: Không. Có vợ: Trần Thị T - sinh năm 1998, Có 01 con (sinh năm 2017). Theo danh chỉ bản số 15, lập ngày 23/01/2018 tại Công an huyện □H và bản trích lục tiền án, tiền sự số 1388226/PC53, ngày 14/3/2018 của Phòng hồ sơ nghiệp vụ cảnh sát Công an Thành phố Hà Nội thì bị cáo Nguyễn

Xuân T không có tiền án, tiền sự; Nhân thân: Ngày 08/8/2012 bị Chủ tịch UBND tỉnh Hà Nam đưa vào cơ sở giáo dục, thời hạn 24 tháng, chấp hành xong ngày 11/8/2014.

Bị cáo Nguyễn Xuân T bị bắt quả tang, bị tạm giữ tại nhà tạm giữ Công an huyện ÚH, từ ngày 23/01/2018 đến ngày 01/02/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn, áp dụng “*Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú*” (Có mặt tại phiên Tòa).

*** Người bị hại:**

Ông Nhữ Văn Đ - sinh năm 1966; Nơi cư trú: thôn NL, xã LH, huyện ÚH, Thành phố Hà Nội (*Vắng mặt tại phiên Tòa*).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

Chị Trần Thị T - sinh năm 1998; Nơi cư trú: thôn TY, xã YN, huyện DT, tỉnh Hà Nam (*Vắng mặt tại phiên Tòa*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 23/01/2018. Nguyễn Xuân T đang ở nhà thì Trần Văn H gọi điện cho T nói: “*Anh đến nhà đón em đi chơi*”. T nói “*Ừ*”. Sau đó T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 90B2-17768 đến đón H. Khi gặp nhau, H và T chở nhau bằng xe mô tô đến TS, KB, Hà Nam chơi. Đến khoảng 12 giờ, H nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên H nói với T: “*Em với anh lên xã LH xem nhà ai có gà thì bắt trộm*” T nói: “*Ừ*”. Hai điều khiển xe mô tô chở T đến thôn NL, LH thấy ở trong trang trại nhà ông Nhữ Văn Đ có gà bên trong, H dừng xe lại quan sát xung quanh không có ai. H nói với T: “*Nhà này có gà, anh đứng ngoài trông, em vào bắt trộm*”. T đồng ý đứng ngoài canh giới, H trèo tường vào bên trong thấy cửa nhà không khóa, H mở cửa đi vào trong nhà thấy 01 chiếc máy bơm nước để ở gầm giường, cạnh đó có 01 chiếc tải dứa. H lấy máy bơm cho vào trong bao tải dứa bê ra ngoài chỗ T. Khi đi đến cổng trang trại, H đứng bên trong nói với T: “*Anh đỡ cho em*”, T đỡ máy bơm lên xe mô tô thì bị anh Nguyễn Trọng T ở NL, LH phát hiện hô “*Trộm, trộm*” lúc này anh Nguyễn Văn T ở cùng thôn và ông Nhữ Văn Đ cùng chạy đến bắt quả tang đối với T; còn H bỏ trốn đến 20 giờ cùng ngày thì xin đầu thú tại Công an xã LH.

Vật chứng thu giữ: 01 máy bơm nước, nhãn hiệu TL HP, loại 1,7 KW đã qua sử dụng; 01 bao tải dứa màu trắng; 01 xe mô tô biển kiểm soát: 90B2-17768.

Tại kết luận số 08 ngày 25/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Ứng Hòa kết luận: Tổng các tài sản trên có trị giá là 2.100.000đồng.

Cáo trạng số 23/CT-VKS ngày 04/4/2018 của Viện tr-ởng viện kiểm sát nhân dân huyện □H đã truy tố Trần Văn H và Nguyễn Xuân T đều về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự (năm 2015) đối với Nguyễn Xuân T; theo điểm g, khoản 2, Điều 173 Bộ luật hình sự (năm 2015) đối với Trần Văn H.

* Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố cả về tội danh cũng như Điều luật, khoản áp dụng như trên. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo Trần Văn H từ 30 đến 36 tháng tù; xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với hai bị cáo. Về trách nhiệm dân sự không đặt ra giải quyết. Buộc các bị cáo phải nộp án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Phản tranh luận: Các bị cáo Nguyễn Xuân T và Trần Văn H đều không có ý kiến tranh luận gì.

Căn cứ những chứng cứ, tài liệu đã được đọc thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Xuân T và Trần Văn H hoàn toàn nhận tội như nội dung cáo trạng. Hành vi phạm tội của các bị cáo được chứng minh bằng biên bản bắt người phạm tội quả tang, đơn xin đầu thú, bản tự khai và lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, lời khai của bị cáo này là chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội đối với bị cáo kia và ngược lại, hoàn toàn phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu, sáng ngày 23/01/2018, Nguyễn Xuân T và Trần Văn H đã rủ nhau đi trộm cắp tài sản, sau đó đi đến trang trại của ông Nhữ Văn Đ ở thôn NL, LH. T đứng ngoài cánh giới, H trèo tường vào trong trang trại vào trong nhà lấy trộm 01 máy bơm nước cho vào bao tải dưa, đưa qua tường cho T đỡ xuống thì bị phát hiện bắt quả tang đối với T; còn H bỏ trốn sau ra đầu thú, chiếm đoạt tài sản có tổng giá trị là 2.100.000 đồng (*Hai triệu một trăm nghìn đồng chẵn*).

Với hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Xuân T và Trần Văn H đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” vi phạm Điều 173 BLHS (năm 2015). Đối với Trần Văn H có 01 tiền án: Ngày 28/11/2014 bị Tòa án nhân dân huyện DT, tỉnh Hà Nam xử phạt 12 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”; chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/10/2015, lần hai vào ngày 04/5/2016 bị Tòa án nhân dân huyện KB, Hà Nam xử phạt 21 tháng tù về tội “*trộm cắp tài sản*”; chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/9/2017, lần phạm tội lần này (ngày 23/01/2018) chưa được xóa án, vì vậy thuộc trường hợp tái phạm, là tình tiết tăng nặng định khung hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 53 BLHS. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố các bị cáo Nguyễn Xuân T về tội “*trộm cắp tài sản*” vi phạm khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015 và Trần Văn H về tội “*trộm cắp tài sản*” vi phạm điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS năm 2015 là có căn cứ và đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ và còn ảnh hưởng đến trật tự trị an, an ninh nông thôn. Vì vậy, cần phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo Trần Văn H

và cách ly khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục và đáp ứng yêu cầu phòng chống tội phạm, nhất là về tệ nạn trộm cắp hiện nay.

Đối với bị cáo Nguyễn Xuân T, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo phạm tội lần đầu, nhân thân chưa có tiền án, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, có thái độ khai báo thành khẩn, phạm tội ít nghiêm trọng, không có tình tiết tăng nặng, có nơi ở, thông tin cụ thể rõ ràng, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 - Bộ luật hình sự. Xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo T khỏi xã hội mà áp dụng Điều 65 BLHS, cũng đủ răn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo là phù hợp với chính sách khoan hồng, nhân đạo của Đảng, Nhà nước.

Xét, hoàn cảnh gia đình các bị cáo kinh tế khó khăn, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo là phù hợp.

*** Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:**

Trong quá trình điều tra - Công an huyện ÚH đã trả lại cho vợ chồng Nguyễn Xuân T, chị Trần Thị T: 01 chiếc xe mô tô Airblade BKS 90B2-17768 và trả lại cho ông Nhữ Văn Đ: 01 máy bơm nước, nhãn hiệu Thiên Long HP; loại 1,7 KW đã qua sử dụng và 01 bao tải dừa màu trắng; Các đương sự đều không yêu cầu, đề nghị gì, nên về trách nhiệm dân sự không đặt ra giải quyết.

*** Về án phí và quyền kháng cáo:**

Buộc các bị cáo Nguyễn Xuân T và Trần Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Vì các lý do trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1- Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Xuân T và Trần Văn H đều phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

* Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 - Bộ luật hình sự (năm 2015);

Xử phạt: Trần Văn H 30 (ba mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 23/01/2018.

* Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 - Bộ luật hình sự (năm 2015);

Xử phạt: Nguyễn Xuân T 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án 26/4/2018.

* Giao bị cáo Nguyễn Xuân T bị xử phạt tù, nhưng được hưởng án treo cho Ủy ban nhân dân xã YN, huyện DT, tỉnh Hà Nam để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

* Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Nguyễn Xuân T cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc Nguyễn Xuân T phải chấp hành hình phạt tù của bản án này. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc Nguyễn Xuân T phải chấp hành hình phạt của bản án này và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự (năm 2015).

* Trong tr- ờng hợp, trong thời gian thử thách nếu bị cáo Nguyễn Xuân T có thay đổi nơi c- trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

2- Về án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 135, 331 và Điều 333 - BLTTHS (năm 2015); Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban th- ờng vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo Nguyễn Xuân T và Trần Văn H, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ tiền án phí HSST. Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ng- ời bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã nơi cư trú. Ng- ời có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án về vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày - kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã nơi cư trú./.

Nơi nhân:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện □H;
- Cơ quan T.H.A Dân sự huyện □H;
- UBND xã YN, huyện DT;
- UBND xã TL, huyện KB;
- Các đ- ơng sự;
- L- u hồ sơ; V/p./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Thiện